

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày 07 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại điểm cầu Trụ sở Tòa án nhân dân và điểm cầu Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Điền B, sinh năm 1986, tại: Bình Phước; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Xtiêng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Điền D (đã chết) và bà Điền Thị M; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2022 cho đến nay “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Đặng Thái H – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước bào chữa cho bị cáo Điền B “có mặt”;

- Người bị hại: Điền K, sinh năm 1994 “có đơn xin xét xử vắng mặt”;

Cư trú tại thôn s, xã h, huyện b, tỉnh Bình Phước;

- Người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng:

1. Ông Võ Thế D1, sinh năm 1981 “vắng mặt”;

Cư trú tại khu phố T, phường X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

2. Bà Thị H, sinh năm 1995 “vắng mặt”;

Cư trú tại thôn S, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 22/5/2022, Điều B đi bộ đến nhà người quen tên “Bạch” ở tại thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước nhưng không có người ở nhà nên B đi bộ trở về. Trên đường về, Điều B phát hiện trước nhà Điều K, sinh năm 1994, trú cùng thôn có một chiếc xe đạp nên đã nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài.

Thực hiện ý định này, Điều B liền đi đến trước nhà và nghe bên trong có tiếng người đang nằm ngáy ngủ nên đã mở cửa để đi vào trong nhà kiểm tra thì thấy Điều K đang ngủ trên giường, cạnh đó có chiếc xe mô tô Honda Wave BKS: 93H3-2177 (chìa khóa vẫn cắm trên xe), do đó B dắt xe này ra ngoài rồi nổ máy, điều khiển xe đi đến khu vực huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Đến ngày 23/5/2022, B điều khiển xe mô tô lấy trộm được của Điều K từ huyện Bù Đốp về xã Phú Văn, huyện B khi đến khu vực phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước dừng xe kiểm tra, do không xuất trình được giấy tờ xe nên đã tạm giữ chiếc xe trên.

Còn đối với Điều K, khi thức dậy phát hiện chiếc xe mô tô Honda Wave BKS: 93H3-2177 đã bị mất nên đã làm đơn gửi lên Công an xã Phú Văn, huyện B, tỉnh Bình Phước trình báo.

Ngày 25/5/2022, do lo sợ hành vi của mình bị phát hiện nên Điều B đã đến Công an xã Phú Văn, huyện B, tỉnh Bình Phước đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 11/2022/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 26/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Phước kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS: 93H3-2177 (tại thời điểm ngày 22/5/2022) có giá trị là 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 39/CTr-VKS ngày 02 tháng 8 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Điều B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Điều B từ 09 đến 12

tháng tù.

- Về xử lý vật chứng đề nghị: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS: 93H3-2177 mà B đã trộm sau đó bị Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước tạm giữ. Ngày 04/7/2022, đã bàn giao lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là Điều K nên ngày 05/7/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Điều K, do đó Viện kiểm sát không đề cập đến việc xử lý.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi Điều K nhận lại tài sản thì không có yêu cầu bồi thường gì thêm, do đó Viện kiểm sát không đề cập đến việc xử lý.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Điều B trình bày lời bào chữa: Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Điều B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù đối với bị cáo Điều B là quá nặng. Bởi vì, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Điều B mức hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị cáo B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã xác định.

Tại phiên tòa, bị cáo B không tranh luận gì về tội danh và mức hình phạt theo lời trình bày luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo B nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị

hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Trong quá điều tra vụ án, bị cáo B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận tội của bị cáo B tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án đã thu giữ được, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp về thời gian và địa điểm thực hiện phạm tội; đồng thời, phù hợp với kết luận của Đại diện Viện kiểm sát và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu nên ngày 22/5/2022, bị cáo Điều B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh biển kiểm soát: 93H3-2177, trị giá 5.000.000 đồng của bị hại Điều Kil nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cho cá nhân.

[3] Đối chiếu với hành vi nêu trên của bị cáo B so với những quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn có tiền tiêu xài cho cá nhân mà không bằng hình thức lao động chân chính nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện việc phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Điều B sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Điều B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6.3] Về nhân thân: Bị cáo Điều B là người có nhân thân xấu, vào ngày 21/10/2011, phạm tội “Cố ý gây thương tích”, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 07 năm tù tại Bản án sơ thẩm số: 56/2012/HSST ngày 16/5/2012 đến ngày 22/02/2017 chấp hành xong (đã xóa án tích) nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng cho bản thân mà đến ngày 22/5/2022 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 173 luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng”. Tuy nhiên, bị cáo có nghề nghiệp là làm nông, không có thu nhập thường xuyên. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo B .

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Điều K không yêu cầu về bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS: 93H3-2177 mà B đã trộm sau đó bị Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước tạm giữ. Ngày 04/7/2022, đã bàn giao lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là Điều K nên ngày 05/7/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Điều K nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Điều B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với quan điểm bào chữa của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Điều B mức án bằng thời gian tạm giữ, tạm giam và tuyên trả tự do cho bị cáo B tại phiên tòa là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Điều B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều B 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Điều B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an, VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công